

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 3.5.2022**

---

**KHI TRỜI TÁN THÁN CON PHẬT**  
**Kinh Brahmadeva (Brahmadevasuttam)**  
**CHƯƠNG VI. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN – PHẨM THỨ NHẤT**

*Hiếm khi có trường hợp một người tên Phạm Thiên, xuất thân từ giai cấp được xem là giòng dõi Phạm thiên, trong gia đình thờ cúng Phạm thiên mà lại được chính Phạm thiên dùng lời xưng tán. Bài kinh này tuy ngắn nhưng ghi lại những “kỳ tích” của trần gian từ hữu danh tới hữu thực; từ tế tự đến tạo phước thật sự; từ tín ngưỡng tới tri thức; từ bờ mê tới bến giác. Hình ảnh của một bậc iring cúng giải thoát được Phạm thiên Sahampati xưng tán khác hẳn hoàn toàn với sự thờ cúng thần linh mà con người thường có. Một người hiểu biết sẽ suy gẫm về điều “tại sao trời xa thì thờ, mà Phật gần thì không cúng”. Biết đâu từ đó có những lãnh hội đáng quý.*



**Kinh Văn**

**Evam me sutam – ekam samayaṃ bhagavā sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena aññatarissā brāhmaṇiyā brahmadevo nāma putto bhagavato santike agāasmā anagāriyaṃ pabbajito hoti.**

Tôi được nghe như vậy

Một thuở Đức Thế Tôn ngự ở Sāvatti, chùa Kỳ Viên – ngôi già lam do ông Anāthapindika dâng cúng.

Lúc ấy có Brahmadeva con trai của một nữ bà la môn rời gia đình đi tu sống đời xuất gia theo Đức Thế Tôn.

**Atha kho āyasmā brahmadevo eko vūpakaṭṭho appamatto ātāpī pahitatto viharanto nacirasseva – yassatthāya kulaputtā sammadeva agāasmā anagāriyaṃ pabbajanti, tadanuttaraṃ brahmacariyapariyosānaṃ diṭṭheva**

**dhamme sayam abhiññā sacchikatvā upasampajja vihāsi. “Khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇiyaṃ, nāparaṃ itthattāyā”ti abbhaññāsi. Aññataro ca panāyasmā brahmadevo arahataṃ ahosi.**

Rồi Tôn giả Brahmadeva sống độc, viễn ly, không xao lãn, nhiệt tâm, cần mẫn, không bao lâu chúng được sự giác ngộ mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình sống đời xuất gia. Đó chính là cứu cánh Phạm hạnh vô thượng. Vị ấy tự thân biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Tôn giả Brahmadeva đã trở thành một vị A-la-hán.

**Atha kho āyasmā brahmadevo pubbaṅhasamayaṃ nivāsetvā pattacīvaramādāya sāvattiyaṃ piṇḍāya pāvisi. Sāvattiyaṃ sapadānaṃ piṇḍāya caramāno yena sakamātu nivesanaṃ tenupasaṅkami. Tena kho pana samayena āyasmato brahmadevassa mātā brāhmaṇī brahmuno āhutiṃ niccaṃ paggaṇhāti. Atha kho brahmuno sahampatiṃ etadahosi – “ayaṃ kho āyasmato brahmadevassa mātā brāhmaṇī brahmuno āhutiṃ niccaṃ paggaṇhāti. Yaṃnūnāhaṃ taṃ upasaṅkamitvā saṃvejeyya”nti. Atha kho brahmā sahampati – seyyathāpi nāma balavā puriso samiñjitaṃ vā bāhaṃ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāhaṃ samiñjeyya evameva – brahmaloke antarahito āyasmato brahmadevassa mātu nivesane pāturaṃ hosi.**

Ngày kia vào buổi sáng Tôn giả Brahmadeva đắp y, mang bát, cầm y kép, đi vào Sāvatti để khát thực. Trong khi đi tuần tự khát thực ở Sāvatti, Tôn giả Brahmadeva đến nhà người mẹ của mình.

Thời gian ấy nữ Bà-la-môn mẹ Tôn giả Brahmadeva, thường cúng tế Phạm thiên.

Rồi Phạm thiên Sahampati suy nghĩ: "Nữ Bà-la-môn này là mẹ Tôn giả Brahmadeva thường cúng tế Phạm thiên. Vậy ta hãy đến và khiến bà bừng chuyển tâm ý".

Rồi Phạm thiên Sahampati, như một người luyện tập thể hình nhanh lẹ co duỗi cánh tay biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trong nhà mẹ của Tôn giả Brahmadeva.

**Atha kho brahmā sahampati vehāsaṃ t̄hito āyasmato brahmadevassa mātaraṃ brāhmaṇiṃ gāthāya ajjhabhāsi –**

**“Dūre ito brāhmaṇi brahmaloko,  
Yassāhutiṃ paggaṇhāsi niccaṃ;  
Netādiso brāhmaṇi brahmabhakkho,  
Kiṃ jappasi brahmapathaṃ ajānaṃ.**

**“Eso hi te brāhmaṇi brahmadevo,  
Nirūpadhiko atidevapatto;  
Akiñcano bhikkhu anaññaposī,  
Yo te so piṇḍāya gharaṃ pavitṭho.**

**“Āhuneyyo vedagu bhāvitatto,  
Narānaṃ devānañca dakkhiṇeyyo;  
Bāhitvā pāpāni anūpalitto,  
Ghāsesanaṃ iriyati sītibhūto.**

**“Na tassa pacchā na puratthamatthi,  
Santo vidhūmo anigho nirāso;  
Nikkhattadaṇḍo tasathāvaresu,  
So tyāhutiṃ bhuñjatu aggapiṇḍaṃ.**

**“Visenibhūto upasantacitto,  
Nāgo va danto carati anejo;  
Bhikkhu susīlo suvimuttacitto,  
So tyāhutiṃ bhuñjatu aggapiṇḍaṃ.**

**“Tasmiṃ pasannā avikampamānā,  
Patitṭhapehi dakkhiṇaṃ dakkhiṇeyye;  
Karoḥi puññaṃ sukhamāyatikaṃ,  
Disvā muniṃ brāhmaṇi oghatiṇṇa”nti.**

**“Tasmiṃ pasannā avikampamānā,  
Patitṭhapesi dakkhiṇaṃ dakkhiṇeyye;  
Akāsi puññaṃ sukhamāyatikaṃ,  
Disvā muniṃ brāhmaṇi oghatiṇṇa”nti.**

Rôi Phạm thiên Sahampati đứng giữa hư không nói lên kệ ngôn này với nữ Bà-la-môn mẹ Tôn giả Brahmadeva:

Hỡi nữ Bà la môn, phạm thiên giới rất xa  
Là nơi Người thường hướng đến khi cúng tế  
Nhưng phạm thiên không thọ dụng lễ phẩm ấy  
Sao cúng tế mà không rõ đường đến phạm thiên?

Tôn giả Brahmadevo, hỡi nữ Bà la môn  
Không còn sở y, cao quý hơn cả các vị trời

Bạc Tỳ khuru không thủ đắc, không đầu tư  
Vi ấy đi vào nhà của Bà để hoá duyên

Bạc đáng được cung kính, bậc tri thức, bậc khéo chuyển hoá  
Bạc xứng đáng cho chư thiên và nhân loại cúng dường  
Bạc đoạn tận ác hạnh, không uế nhiễm  
Với tâm an tịnh, vị ấy trì bình.

Với vị ấy trước không có, sau cũng không  
An tịnh, không hoả mù, không hệ lụy, không hy cầu  
Đã từ bỏ gây gộc đối với người yếu cũng như kẻ mạnh  
Hãy để vị ấy thọ dụng thức ăn thượng vị do bà cúng.

Rời bỏ đám đông với tâm tịch mặc  
Bước đi uy nghiêm như con voi thuần hoá  
Bạc tỳ khuru khéo tu giới và tâm khéo giải thoát  
Hãy để vị ấy thọ dụng thức ăn thượng vị do bà cúng.

Với lòng tịnh tín bất động nơi vị ấy  
Hãy cúng dường bậc xứng đáng cúng dường  
Bà tạo phước cho hạnh phúc tương lai  
Sau khi thấy được bậc ân sĩ đã vượt bực ưu.

[ Với lòng tịnh tín bất động nơi vị ấy  
Hãy cúng dường bậc xứng đáng cúng dường  
Bà ấy đã tạo phước cho hạnh phúc tương lai  
Sau khi nữ bà la môn thấy được bậc ân sĩ đã vượt bực lưu]



“**Dūre ito brāhmaṇi brahmaloko** = Hỡi nữ Bà la môn, phạm thiên giới rất xa  
**Yassāhutim paggaṇhāsi niccam** = đó là nơi Người thường hướng đến khi cúng tế  
**Netādiso brāhmaṇi brahmabhakkho**  
= nhưng phạm thiên không thọ dụng những lễ phẩm ấy  
**Kiṃ jappasi brahmapathaṃ ajānaṃ**  
= Tại sao cúng tế khi không biết đường đưa đến phạm thiên?

**“Eso hi te brāhmaṇi brahmadevo** = Tôn giả Brahmadevo, hồi nữ Bà la môn  
**Nirūpadhiko atidevapatto** = không còn sở y, hơn cả chư thiên  
**Akiñcano bhikkhu anaññapōsī** = Tỷ khuru không vương mắc, nuôi dưỡng gì khác  
**Yo te so piṇḍāya gharaṃ pavittho** = Vi ấy đã vào nhà của Bà để hoá duyên

**“Āhuneyyo vedagu bhāvitatto** = bậc ứng đáng được cung kính, bậc tri thức, bậc khéo chuyển hoá

**Narānaṃ devānañca dakkhiṇeyyo**

= bậc xứng đáng cho chư thiên và nhân loại cúng dường

**Bāhitvā pāpāni anūpalitto** = bậc đoạn tận ác hạnh, không uế nhiễm

**Ghāsesanaṃ iriyati sītibhūto** = tâm an tịnh, vị ấy trì bình

**“Na tassa pacchā na puratthamatthi**

= Với vị ấy trước cũng không mà sau cũng chẳng có

**Santo vidhūmo anigho nirāso**

= an tịnh, không ngăn che, không hệ lụy, không hy cầu

**Nikkhattadaṇḍo tasathāvareso**

= đã từ bỏ gậy gộc đối với kẻ yếu cũng như người mạnh

**So tyāhutim bhuñjatu aggapiṇḍaṃ**

= Hãy để vị ấy thọ dụng sự cúng dường của bà với những thức ăn thượng vị

**“Visenibhūto upasantacitto** = rời bỏ đám đông với tâm tịch mặc

**Nāgo va danto carati anejo** = du hành như con voi thuần hoá, uy nghi

**Bhikkhu susīlo suvimuttacitto**

= bậc tỷ khuru với giới khéo tu tập và tâm khéo giải thoát

**So tyāhutim bhuñjatu aggapiṇḍaṃ**

=Hãy để vị ấy thọ dụng sự cúng dường của bà với những thức ăn thượng vị

**“Tasmiṃ pasannā avikampamānā** = với lòng tịnh tín bất động nơi vị ấy

**Patitthapehi dakkhiṇaṃ dakkhiṇeyye** =Cúng dường bậc xứng đáng cúng dường

**Karohi puññaṃ sukhamāyatikaṃ** = tạo phước cho hạnh phúc tương lai

**Disvā munim brāhmaṇi oghatiṇṇa”nti**

= Sau khi nữ bà la môn đã thấy được bậc ẩn sĩ đã vượt bực lưu



## Thích nghĩa

*Theo Sớ giải thì chữ Abbhaññāsi mang ý nghĩa sự thấy trong cảnh giới hời quán (paccavekkhana bhūmi) khả năng tự xác định quả vị chứng ngộ của vị A la hán.*

*Tuần tự khát thực (sapadānam pindāya caramāno) là hạnh trì bình đi từng nhà một không phân biệt ai thường cúng dường, ai không cúng dường.*

*Theo Sớ giải thì Ahutim niccama pagganhāti chỉ cho sự cúng tế hằng ngày với cơm sữa ngọt – thứ lễ phẩm trong đạo bà la môn.*

*Theo Sớ giải đường đến phạm thiên giới (brahmapatha) nói đúng nghĩa là bốn thiên chứng. Phạm thiên sống với năng lực của thiên định chứ không sống bằng cơm sữa như quan niệm theo tín ngưỡng dân gian.*

*Không còn sở y – nirūpadhika - là không còn lệ thuộc vào phiền não, tạo tác, dục lạc những thứ mà tâm tư nương gá.*

*Vượt khỏi những vị trời – atidevapatto – vì đã đạt đến cảnh giới siêu thế.*

*Không hoả mù (vidhūmo) chỉ cho sự không còn sân hận*

*Vô sản – akiñcana – là không thủ đắc tư hữu*

*Không đầu tư – anaññaposī – không vợ con và không tạo thân sanh tử sau đời này.*

*Trước cũng không mà sau cũng chẳng có – Na tassa pacchā na puratthamatthi – chỉ cho tâm an nhiên không truy cầu ái chấp đối cái đã qua hay cái chưa tới.*

*Theo Sớ giải thì bốn câu sau cùng không phải của Phạm thiên Sahampatti mà là của người trùng tuyên (như một người viết nhạc dùng điệp khúc thay vì phiên khúc như để kéo dài nguồn cảm hứng)*

**Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình**

### 3. Brahmadevasuttam [Mūla]

174. Evaṃ me sutam – ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvatthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena aññatarissā brāhmaṇiyā brahmadevo nāma putto bhagavato santike agārasmā anagāriyaṃ pabbajito hoti. Atha kho āyasmā brahmadevo eko vūpakaṭṭho appamatto ātāpī pahitatto viharanto nacirasseva – yassatthāya kulaputtā sammadeva agārasmā anagāriyaṃ pabbajanti, tadanuttaraṃ brahmacariyapariyosānaṃ diṭṭheva dhamme sayam abhiññā sacchikatvā upasampajja vihāsi. “Khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā”ti abbhaññāsi. Aññataro ca panāyasmā brahmadevo arahataṃ ahosi.

Atha kho āyasmā brahmadevo pubbaṅhasamayaṃ nivāsetvā pattacīvaramādāya sāvatthiṃ piṇḍāya pāvisi. Sāvatthiyaṃ sapadānaṃ piṇḍāya caramāno yena sakamātu nivesanaṃ tenupasaṅkami. Tena kho pana samayena āyasmato brahmadevassa mātā brāhmaṇī brahmuno āhutiṃ niccaṃ paggaṇhāti. Atha kho brahmuno sahampatiṃ etadahosi – “ayaṃ kho āyasmato brahmadevassa mātā brāhmaṇī brahmuno āhutiṃ niccaṃ paggaṇhāti. Yaṃnūnāhaṃ taṃ upasaṅkamitvā saṃvejeyya”nti. Atha kho brahmā sahampati – seyyathāpi nāma balavā puriso samiñjitaṃ vā bāhaṃ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāhaṃ samiñjeyya evameva – brahmaloke antarahito āyasmato brahmadevassa mātu nivesane pāturahosi. Atha kho brahmā sahampati vehāsaṃ ṭhito āyasmato brahmadevassa mātaraṃ brāhmaṇiṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Dūre ito brāhmaṇi brahmaloko,  
Yassāhutiṃ paggaṇhāsi niccaṃ;  
Netādiso brāhmaṇi brahmabhakkho,  
Kiṃ jappasi brahmapathaṃ ajānaṃ [ajānantī (sī. pī. ka.)].

“Eso hi te brāhmaṇi brahmadevo,  
Nirūpadhiko atidevapatto;  
Akiñcano bhikkhu anaññaposī,  
Yo te so [te so (sī. pī.), yo te sa (?)] piṇḍāya gharaṃ pavitṭho.

“Āhuneyyo vedagu bhāvitatto,  
Narānaṃ devānañca dakkhiṇeyyo;  
Bāhitvā pāpāni anūpalitto,  
Ghāsesanaṃ iriyati sītibhūto.

‘‘Na tassa pacchā na puratthamatthi,  
Santo vidhūmo anigho nirāso;  
Nikkhittadaṇḍo tasathāvareso,  
So tyāhutiṃ bhuñjatu aggapiṇḍaṃ.

‘‘Visenibhūto upasantacitto,  
Nāgo va danto carati anejo;  
Bhikkhu susīlo suvimuttacitto,  
So tyāhutiṃ bhuñjatu aggapiṇḍaṃ.

‘‘Tasmiṃ pasannā avikampamānā,  
Patitṭhapehi dakkhiṇaṃ dakkhiṇeyye;  
Karoḥi puññaṃ sukhamāyatikaṃ,  
Disvā muniṃ brāhmaṇi oghatiṇṇa’nti.

‘‘Tasmiṃ pasannā avikampamānā,  
Patitṭhapesi dakkhiṇaṃ dakkhiṇeyye;  
Akāsi puññaṃ sukhamāyatikaṃ,  
Disvā muniṃ brāhmaṇi oghatiṇṇa’nti.

### 3. Brahmadevasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

174. Tatiye ekoti ṭhānādīsu iriyāpathesu ekako, ekavihārīti attho. Vūpakatṭhoti kāyena vūpakatṭho nissaṭṭo. Appamattoti satiyā avippavāse ṭhito. Ātāpīti vīriyātāpena samannāgato. **Pahitattoti** pesitatto. **Kulaputtāti** ācārakulaputtā. **Sammadevāti** na iṇattā na bhayaṭṭā na jīvitapakatā hutvā, yathā vā tathā vā pabbajitāpi ye anulomapaṭipadaṃ pūrenti, te sammadeva agārasmā anagāriyaṃ pabbajanti nāma. **Brahmacariyapariyosānanti** maggabrahmacariyassa pariyosānabhūtaṃ ariyaphalaṃ. **Diṭṭheva dhammeti** imasmimyeva attabhāve. **Sayaṃ abhiññā sacchikatvāti** sāmamaṃ jānitvā paccakkhaṃ katvā. **Upasampajjāti** paṭilabhitvā sampādetvā vihāsi. Evaṃ viharanto ca **khīṇā jāti...pe... abbhāññāsīti**. Etenassa paccavekkhaṇabhūmi dassitā.

Katamā panassa jāti khīṇā, kathaṅca naṃ abbhāññāsīti? Vuccate, na tāvassa atītā jāti khīṇā pubbeva khīṇattā, na anāgatā tattha vāyāmābhāvato, na paccuppannā vijjamānattā. Maggassa pana bhāvitattā yā uppajjeyya ekacatupaṅcavokārabhavesu ekacatupaṅcakkhandhappabhedā jāti. Sā maggassa bhāvitattā anuppādadhammatamaṃ āpajjanena khīṇā. Taṃ so maggabhāvanāya pahīnakilese paccavekkhitvā –



“kilesābhāve vijjamānampi kammaṃ āyatim appaṭisandhikaṃ hoti”ti jānanto jānāti.

**Vusitanti** vuttham parivuttham, katham caritam niṭṭhāpitanti attho. **Brahmacariyanti** maggabrahmacariyam. **Katham karanīyanti** catūsu saccesu catūhi maggehi pariññāpahānasacchikiriyabhāvanāvasena soḷasavidhampi kiccaṃ niṭṭhāpitanti attho. **Nāparam itthattāyāti** idāni puna itthabhāvāya, evaṃ soḷasakiccabhāvāya, kilesakkhayāya vā katamaggabhāvanā natthīti. Atha vā **itthattāyāti** itthattabhāvato, imasmā evaṃpakārā idāni vattamānakkhandhasantānā aparaṃ khandhasantānaṃ natthi, ime pana pañcakkhandhā pariññātā tiṭṭhanti chinnaṃlako rukkho viyāti abbaññāsi. **Aññataroti** eko. **Arahatanti** arahantānaṃ, bhagavato sāvakānaṃ arahataṃ abhantaro ahoṣi.

**Sapadānanti** sapadānacāraṃ, sampattaghaṃ anukkamma paṭipāṭiyā caranto. **Upasaṅkamīti** upasaṅkamanto. Mātā panassa puttam disvāva gharā nikkhama pattaṃ gahetvā antonivesanaṃ pavesetvā paññattāsane nisīdāpesi.

**Āhutiṃ niccaṃ paggaṇhāti**ti niccakāle āhutipiṇḍam paggaṇhāti. Tam divasaṃ pana tasmim ghare bhūtabalikammaṃ hoti. Sabbageham haritupalittam vippariṇṇalājam vanamālaparikkhittam ussittaddhajapaṭākam tattha tattha punṇaghare ṭhapetvā daṇḍadīpikā jāletvā gandhacūṇamālādīhi alaṅkatam, samantato sañchādiyamānā dhūmakatacchu ahoṣi. Sāpi brāhmaṇī kālasseva vutthāya soḷasahi gandhodakaghaṭehi nhāyitvā sabbālaṅkārena attabhāvaṃ alaṅkari. Sā tasmim samaye mahākhīṇāsavaṃ nisīdāpetvā, yāguuḷuṅkamattampi adatvā, “mahābrahmaṃ bhojessāmī”ti suvaṇṇapāṭiyam pāyasaṃ pūretvā sappimadhusakkharādīhi yojetvā nivesanassa pacchābhāge haritupalittabhāvādīhi alaṅkatā bhūtapīṭhikā atthi. Sā tam pāṭim ādāya, tattha gantvā, catūsu koṇesu majjhe ca ekekaṃ pāyasaṃpiṇḍam ṭhapetvā, ekaṃ piṇḍam hatthena gahetvā, yāva kapparā sappinā paggharantena pathaviyam jāṇumaṇḍalam paṭiṭṭhāpetvā “bhuñjatu bhavaṃ mahābrahmā, sāyatu bhavaṃ mahābrahmā, tappetu bhavaṃ mahābrahmā”ti vadamānā brahmānaṃ bhojeti.

**Etadahosīti** mahākhīṇāsavassa sīlagandham chadevaloke ajjhottharivā brahmalokaṃ upagataṃ ghāyamānassa etaṃ ahoṣi. **Samvejeyyanti** codeyyam, sammāpaṭipattiyam yojeyyam. ‘Ayaṃ hi evarūpaṃ aggadakkhiṇeyyam mahākhīṇāsavaṃ nisīdāpetvā yāguuḷuṅkamattampi adatvā, “mahābrahmaṃ bhojessāmī”ti tulaṃ pahāya hatthena tulayantī viya, bherim pahāya kucchim vādentī viya, aggim pahāya khajjopanaṃ dhamamānā viya bhūtabalim kurumānā āhiṇḍati. Gacchāmissā micchādassanaṃ bhinditvā apāyamaggato uddharitvā yathā asītikotiḍhanaṃ buddhasāsane vipparikritvā saggamaggaṃ ārohati, tathā karomīti vuttaṃ hoti.

**Dūre itoti** imamhā tñānā dūre brahmaloko. Tato hi kūṭāgāramattā silā pātītā ekena ahorattena atṭhacattālīsajojanasahassāni khepayamānā catūhi māsehi pathaviyaṃ patiṭṭhaheyya, sabbaheṭṭhimopi brahmaloko evaṃ dūre. **Yassāhutinti** yassa brahmuno āhutim paggaṇhāsi, tassa brahmaloko dūreti attho. **Brahmapathanti** ettha brahmapatho nāma cattāri kusalajjhānāni, vipākajjhānāni pana nesam jīvitapatho nāma, taṃ brahmapathaṃ ajānantī tvaṃ kiṃ jappasi vippalapasi? Brahmāno hi sappītikajjhānena yāpenti, na etaṃ tiṇabījāni pakkhipitvā randhaṃ goyūsam khādanti, mā akāraṇā kilamasīti.

Evaṃ vatvā puna so mahābrahmā añjaliṃ paggayha avakujjo hutvā theram upadisanto **eso hi te brāhmaṇi brahmadevoti**ādīmāha. Tattha **nirūpadhikoti** kilesābhisaṅkhārakāmaguṇopadhīhi virahito. **Atidevapattoti** devānaṃ atidevabhāvaṃ brahmānaṃ atibrahmabhāvaṃ patto. **Anaññaposīti** tñapetvā imam attabhāvaṃ aññassa attabhāvassa vā puttadārassa vā aposanatāya anaññaposī.

**Āhuneyyoti** āhunapiṇḍaṃ paṭiggahetuṃ yutto. **Vedagūti** catumaggasaṅkhātehi vedehi dukkhassantaṃ gato. **Bhāvitattoti** attānaṃ bhāvetvā vaḍḍhetvā tñito. **Anūpalittoti** taṇhādīhi lepehi ālitto. **Ghāsesanaṃ iriyatīti** āhārapariyesanaṃ carati.

**Na tassa pacchā na puratthamatthīti** pacchā vuccati atītaṃ, puratthaṃ vuccati anāgataṃ, atītānāgatesu khandhesu chandarāgavirahitassa pacchā vā puratthaṃ vā natthīti vadati. **Santoti**ādīsu rāgādisantatāya santo. Kodhadhūmavigamā **vidhūmo**, dukkhābhāvā **anīgho**, kattaradaṇḍādīni gahetvā vicarantopi vadhakacetanāya abhāvā **nikkhittadaṇḍo**. **Tasathāvaresūti** ettha pana puthujjanā tasā nāma, khīṇāsavā thāvarā nāma. Satta pana sekhā tasāti vattuṃ na sakkā, thāvarā na honti, bhajamānā pana thāvarapakkhameva bhajanti. **So tyāhutinti** so te āhutim.

**Visenibhūtoti** kilesasenāya viseno jāto. **Anejoti** nittaṇho. **Susīloti** khīṇāsavasīlena susīlo. **Suvimuttacittoti** phalavimuttiyā suṭṭhu vimuttacitto. **Oghatiṇṇanti** cattāro oghe tiṇṇaṃ. Ettakena kathāmaggena brahmā therassa vaṇṇaṃ kathento āyatane brāhmaṇim niyojesi. Avasānagāthā pana saṅgītikārehi tñapitā. **Patiṭṭhapesi dakkhiṇanti** catupaccayadakkhiṇaṃ patiṭṭhapesi. **Sukhamāyatikanti** sukhāyatikaṃ āyatim sukhavipākaṃ, sukhāvahanti attho. Tatiyaṃ.